

Số: 02 /2022/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 14 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hình thức chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về hình thức chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội; mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức dịch vụ chi trả.

Điều 2. Quy định về hình thức chi trả trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh thông qua tổ chức dịch vụ chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả. Cụ thể như sau:

1. Hình thức và đối tượng chi trả: Hình thức thông qua tổ chức dịch vụ chi trả; đối tượng là tất cả các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội và người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn. Tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả phải bảo đảm kịp thời, an toàn và được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ”, ngoài ra phải bảo đảm yêu cầu sau: Có kinh nghiệm, có mạng lưới điểm giao dịch tại xã, phường, thị trấn, có thể đảm bảo nhiệm vụ chi trả tại nhà cho một số đối tượng đặc thù không có khả năng đến nhận chế độ trợ giúp xã hội như: Người già cô đơn, người cao tuổi, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Mức phí chi trả: Mức chi phí chi trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả bằng 2,5% tổng số tiền chi trả trợ cấp thành công.

4. Kinh phí được trích từ nguồn đảm bảo xã hội hàng năm giao về Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện.

Sở Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2022.

2. Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh quy định việc thực hiện chi trả trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ hết hiệu lực thi hành kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ Lao động-TB&XH;
- TT. Tỉnh ủy; (B/c)
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm tin học-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải